TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10-4-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Thư
2. Ông Đinh Quốc Phong

- *Thư ký phiên toà:* Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2018 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị Thanh V - sinh năm: 1991

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Văn T - sinh năm: 1987

Nơi ĐKHKTT: Ấp M, xã M, huyện U , tỉnh Kiên Giang;

Nơi làm việc: Công ty TNHH Sung Shina (Việt Nam), Lô G4A, đường NA1, KCN M, Thị xã B, tỉnh B (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Hà Thị Thanh V trình bày: chị và anh T kết hôn ngày 29/6/2010, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung ở xã T một thời gian sau đó vào tỉnh Bình Dương làm ăn. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu

năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn, nên thường xuyên cãi chửi nhau. Tuy đã được gia đình khuyên giải nhưng hai bên không khắc phục được mâu thuẫn. Đến cuối năm 2012 do mâu thuẫn trầm trọng anh T bỏ đi làm ăn, còn chị về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2019 bị đơn anh T trình bày: Vợ chồng chung sống được một thời gian đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, kinh tế khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã. Dù cố gắng hàn gắn nhưng do vợ chồng ngày càng mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống nên anh đã bỏ đi sống riêng tờ cuối năm 2012 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay chị V yêu cầu ly hôn quan điểm của anh cũng đồng ý ly hôn vì vợ chồng ly thân quá lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng.

- *Về con chung* Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con là Huỳnh Thị Như Q - sinh ngày 02/01/2011. Hiện nay con chung đang ở với chị V. Ly hôn chị V xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng đồng ý để chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ và quyền, nghĩa vụ tài sản*: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu đã trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng vì anh T ở xa, đã có đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 55; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thanh V và anh Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Thanh V trực tiếp nuôi con chung là Huỳnh Thị Như Q - sinh ngày 02/01/2011. Anh Huỳnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Vân không yêu cầu.

- Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy nơi cư trú của anh T là ở Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang; Nơi làm việc của anh T: Công ty TNHH Sung Shina (Việt Nam), Lô G4A, đường NA1, KCN M, Thị xã B, tỉnh Bình Dương, nhưng anh T cùng chị V thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê là nơi cư trú của chị V giải quyết việc ly hôn và và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là "Hôn nhân và gia đình" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hà Thị Thanh V và anh Huỳnh Văn T bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, kinh tế khó khăn, nên thường xuyên gây gổ, cãi vã, nên từ cuối năm 2012 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, như người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc ai muốn sống thế nào thì sống. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên việc chị V xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn là có căn cứ, cần công nhận sự thuận tình ly hôn của hai người.

2. Về con chung: Do hiện nay con chung đang ở với chị V, cháu đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với chị V, chị V cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn anh T cũng đồng ý để chị Vân trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hai bên cùng có quan điểm về việc nuôi con chung,

quan điểm đó phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên cần giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, công sức, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thanh V và anh Huỳnh Văn T.

2. *Về con chung*:

Giao cho chị Hà Thị Thanh V trực tiếp nuôi con chung là Huỳnh Thị Như Q - sinh ngày 02/01/2011 kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Huỳnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị V không yêu cầu.

Chị V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Thanh V phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 008388 ngày 30/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Vân có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm, anh T vắng

mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng